TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc D

2. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phùng Thị Hồng N**, sinh năm 1995 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp MG, xã ĐH, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà và ông Lê Văn Đ chung sống với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không bao lâu thì

phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, nguyên nhân do ông Lê Văn Đ ghen tuông vô cớ nên có lần cải nhau ông Đ có đánh bà bằng tay vài lần, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều không thể khắc phục được nên đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2025 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 03 đứa con chung tên Lê Chúc D, sinh ngày 23/9/2014, Lê Chúc Q, sinh ngày 21/01/2017 và Lê Chúc G, sinh ngày 09/12/2021 hiện 03 con chung đang sống cùng ông Lê Văn Đ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Lê Văn Đ.

- Về quan hệ con chung: Đồng ý tiếp tục giao 03 con chung cho ông Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con cùng ông Đ sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Phùng Thị Hồng N vẫn giữa nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Lê Văn Đ vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phùng Thị Hồng N ly hôn ông Lê

Văn Đ; về quan hệ nuôi con chung: Giao 03 đứa con chung chung tên Lê Chúc D, sinh ngày 23/9/2014, Lê Chúc Q, sinh ngày 21/01/2017 và Lê Chúc G, sinh ngày 09/12/2021 cho ông Đ trực tiếp nuôi, bà N không cấp dưỡng nuôi con cùng ông Đ sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: không có, không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*.....Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Hồng N và ông Lê Văn Đ tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N thấy rằng: Theo bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông Đ thường ghen tuông vô cớ nên thường cãi nhau, có lần cãi nhau ông Đ đã đánh bà bằng tay và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn cương quyết ly hôn với ông Đ, mặc dù Tòa án đã kiên trì giải thích, động viên nhưng vẫn không có kết quả. Đồng thời, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cho đến tại phiên tòa hôm nay, ông Đ không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa xét xử, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì giữa bà N và ông Đ đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần và ly thân nhau là đúng như ý kiến trình bày của bà N nêu trên (bút lục số 27).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Theo bà N, vợ chồng có 03 con chung tên Lê Chúc D, sinh ngày 23/9/2014, Lê Chúc Q, sinh ngày 21/01/2017 và Lê Chúc G, sinh ngày 09/12/2021. Khi ly hôn, bà N giao 03 con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con cùng ông Đ sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho ông Đ, nhưng ông Đ vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của bà N nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, 02 cháu Lê Chúc D, sinh ngày 23/9/2014 và Lê Chúc Q, sinh ngày 21/01/2017 cũng đã có ý kiến bằng văn bản sau khi cha mẹ (bà N, ông Đ) ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống chung với ông Đ. Do ông Đ không thể hiện ý kiến gì về việc yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con cùng ông nên bà N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng ông Đ sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu Lê Chúc D, sinh ngày 23/9/2014, Lê Chúc Q, sinh ngày 21/01/2017 và Lê Chúc G, sinh ngày 09/12/2021 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo bà N, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà N về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để ông Đ biết, nhưng đến nay ông Đ không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà N và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy,

khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà N, ông Đ) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phùng Thị Hồng N có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phùng Thị Hồng N ly hôn ông Lê Văn Đ.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao 03 đứa con chung tên Lê Chúc D, sinh ngày 23/9/2014; Lê Chúc Q, sinh ngày 21/01/2017 và Lê Chúc G, sinh ngày 09/12/2021 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng (đúng theo nguyện vọng của cháu Lê Chúc D và Lê Chúc Q), bà N không cấp dưỡng nuôi con cùng ông Đ sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không có, các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Nguyên đơn bà Phùng Thị Hồng N có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà N phải chịu **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009633 ngày

21/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - An G; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/02/2026); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh;
- VKS KV7, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Phòng THADS KV7;
- UBND xã ĐH;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh